



# THỰC TRẠNG SỬ DỤNG GIÁO TRÌNH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Tất Dũng\*  
Lê Thị Tuyết Thương\*\*  
Nguyễn Thị Linh\*\*\*

## Tóm tắt:

Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu kết hợp với phương pháp phỏng vấn, chúng tôi đã xác định được thực trạng sử dụng giáo trình của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao (TĐTT) Bắc Ninh, cụ thể: Số lượng sinh viên sử dụng thư viện để tiếp cận với giáo trình, tài liệu phục vụ môn học còn hạn chế; Hầu hết sinh viên đều có giáo trình tuy nhiên, việc sử dụng giáo trình không thường xuyên...

**Từ khóa:** Sử dụng giáo trình, sinh viên, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

## Current situation of using textbooks of Bac Ninh Sports University students

## Summary:

With the method of synthesis and analysis of materials combined with the interview method, we have identified the actual use of textbooks by students of Bac Ninh University of Sports and Physical Education. Students use the library to access limited curriculum and materials; Most students have curriculum, however, the use of curriculum is not frequent ...

**Keywords:** Use course, Bac Ninh University of Sports and Physical Education

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đã chuyển từ phương thức đào tạo theo niên chế sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Một trong những yêu cầu của đào tạo theo học chế tín chỉ là giảm đáng kể giờ học trên lớp, tăng thời lượng tự học của sinh viên so với đào tạo theo niên chế. Dạy học theo hình thức đào tạo tín chỉ là dạy cho người học cách tìm kiếm, xử lý và tự tích lũy kiến thức dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của thầy, cô giáo, tức là tăng cường tự học, tự nghiên cứu. Trong quá trình dạy và học đó, vai trò của giáo trình cũng ngày càng tăng lên với hai hướng giáo dục: Giáo dục cá nhân và tự học của sinh viên cùng với sự cung cấp thông tin đầy đủ và gần nhất tới sinh viên. Việc sử dụng giáo trình sẽ tạo lập cho học sinh những phẩm chất học tập độc lập, có khả năng lý giải các thông tin và biến chúng thành kiến thức tự có của mình. Chính vì vậy, Nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng, hoàn thiện hệ thống tài liệu giáo trình các

môn học của 4 ngành đào tạo. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay rất ít khi sử dụng sách, không những sách tham khảo mà ngay cả giáo trình, sinh viên cũng không chủ động đọc. Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu thực trạng sử dụng giáo trình của sinh viên Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh là vấn đề cấp thiết, qua đó tìm ra được những hạn chế, nguyên nhân và có các hướng giải pháp khắc phục.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn và Phương pháp toán học thống kê

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Thực trạng sử dụng thư viện của sinh viên Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

Thư viện Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh hiện có 02 phòng phục vụ cho sinh viên, bao gồm: Phòng đọc và Phòng mượn, bán. Trong

\*ThS, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

\*\*CN, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

\*\*\*ThS, Trường Đại học Thương Mại

## BÀI BÁO KHOA HỌC

đó, Phòng đọc là phòng chỉ phục vụ đọc tại chỗ, nghĩa là sinh viên không được mang sách ra khỏi thư viện, còn Phòng mượn, bán là phòng sinh viên sẽ được mượn sách sử dụng bên ngoài thư viện hoặc mua sách.

Khi vào học, mỗi sinh viên của Nhà trường sẽ được làm 01 sổ mượn cho 4 năm học (đăng ký tự nguyện). Thông qua sổ mượn, các em sẽ được mượn sách mang ra khỏi thư viện, số lượng sách tối đa được mượn mỗi lần là 5 cuốn. Số lượng sổ mượn có trong thư viện chính là một trong các thông số thể hiện nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên.

Chính vì vậy, tiêu chí đầu tiên được chúng tôi sử dụng để đánh giá thực trạng sử dụng giáo trình của sinh viên tại Thư viện Nhà trường chính là số lượng sổ mượn của sinh viên hiện có trong thư viện. Tuy nhiên, riêng khóa Đại học

54, vừa mới vào Trường không thuộc đối tượng nghiên cứu của đề tài. Do vậy, chúng tôi chỉ thống kê số mượn của sinh viên khóa đại học 51, 52 và 53. Kết quả được trình bày tại bảng 1 và biểu đồ 1.

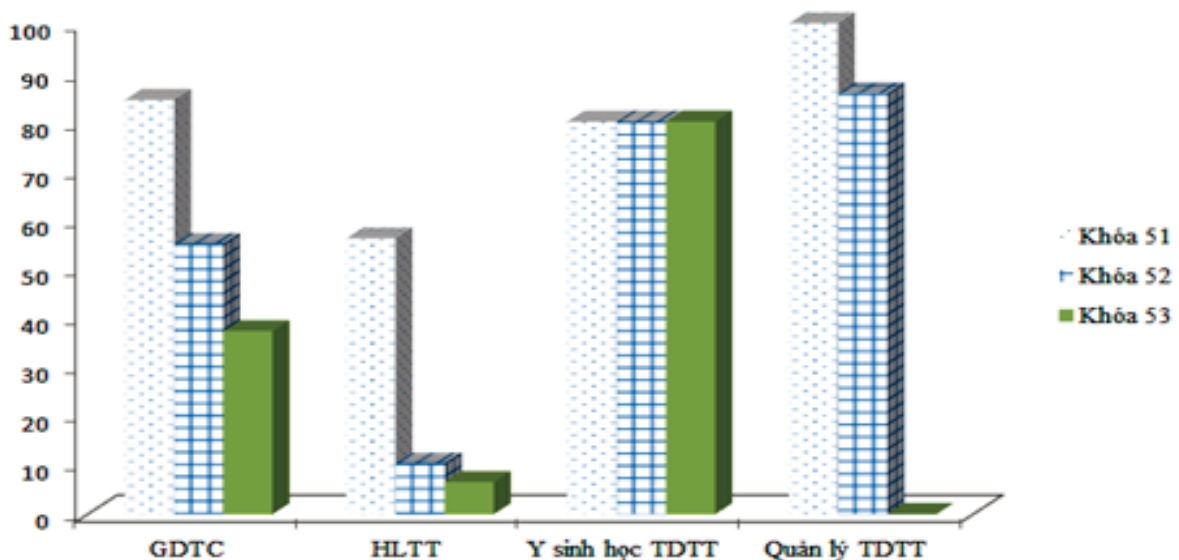
Qua số liệu thống kê tại bảng 1 cho thấy:

- Tại mỗi ngành đào tạo của mỗi khóa, số lượng sinh viên làm sổ mượn chưa cao. Trong cả 3 khóa, khóa đại học 51 có số lượng sinh viên có sổ mượn cao nhất, chiếm tỷ lệ từ 56.16% đến 100%. Thấp nhất là khóa Đại học 53 với số lượng sinh viên có sổ mượn thấp, thậm chí có ngành QLTDĐT không có sinh viên nào có sổ mượn. Đây là một trong những hạn chế rất lớn của sinh viên khi mà từ khóa ĐH 51 Nhà trường đã chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo tín chỉ.

- Biểu đồ 1 cũng thể hiện rõ, ngoại trừ Ngành

**Bảng 1. Bảng tổng hợp số lượng sổ mượn của sinh viên hiện có trong Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

Kết quả	Khóa 51 (n=459)				Khóa 52 (n=311)				Khóa 53 (n=324)				
	GDTC (n=231)	HLTT (n=219)	Y sinh học TDTT (n=5)	Quản lý TDTT (n=4)	GDTC (n=158)	HLTT (n=136)	Y sinh học TDTT (n=10)	Quản lý TDTT (n=7)	GDTC (n=161)	HLTT (n=154)	Y sinh học TDTT (n=5)	Quản lý TDTT (n=4)	
Tỷ lệ sổ mượn theo Ngành	m <sub>i</sub>	195	123	4	4	87	14	8	6	60	10	4	0
	%	84.42	56.16	80.00	100.00	55.06	10.29	80.00	85.71	37.27	6.49	80.00	0.00
Tỷ lệ sổ mượn/tổng số sinh viên theo khóa	m <sub>i</sub>	326				115				74			
	%	71.02				36.98				22.84			



**Biểu đồ 1. Tỷ lệ sổ mượn của sinh viên theo ngành đào tạo tại các khóa**



Y sinh học TĐTT có số lượng sinh viên làm sổ mượn đều đặn theo các khóa thì các ngành còn lại có số sinh viên mượn sổ đạt rất thấp và có xu hướng giảm.

- Tỷ lệ sổ mượn tính theo các khóa nhận thấy, số lượng sinh viên làm sổ mượn tài liệu tại thư viện giảm sút nhanh chóng, từ 71.02% ở khóa Đại học 51, còn 22.84% ở khóa Đại học 53. Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, các thư viện viên phục vụ tại phòng mượn cho biết, khóa Đại học 53 là khóa đầu tiên Nhà trường tiến hành bán sách phục vụ học tập các môn học trong năm thứ nhất, chính vì vậy, số lượng sinh

viên làm sổ mượn cũng giảm bớt so mọi năm. Tuy nhiên, theo số lượng thống kê thì tại thời điểm đầu năm học 2017-2018, thư viện chỉ bán được 101 bộ sách của cả 4 ngành, do vậy, việc bán sách đầu năm chỉ là 1 nguyên nhân nhỏ làm giảm số lượng sinh viên đăng ký làm sổ mượn thư viện.

Tiếp đến, chúng tôi tiến hành tổng hợp số lượt sinh viên đến mượn và sử dụng phòng đọc tại Thư viện Nhà trường trong năm học 2017-2018 (từ tháng 9/2017 – tháng 6/2018). Kết quả được trình bày tại bảng 2.

**Bảng 2. Bảng tổng hợp số lượt sinh viên đến mượn và sử dụng phòng đọc trong năm học 2017-2018 theo các tháng**

Tháng			9	10	11	12	1	2	3	4	5	6
Sinh viên (n=1094)	Phòng mượn	$m_i$	375	814	542	546	597	725	664	711	664	772
		%	34.28	74.41	49.54	49.91	54.57	66.27	60.69	64.99	60.69	70.57
	Phòng đọc	$m_i$	350	518	430	444	75	37	136	925	346	188
		%	31.99	47.35	39.31	40.59	6.86	3.38	12.43	84.55	31.63	17.18

Kết quả bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ lượt sinh viên đến mượn sách vào tháng 11 và tháng 6 nhiều nhất trong các tháng, lần lượt là 74.41% và 70.57%. Ở đây, chúng tôi sử dụng lượt sinh viên, nghĩa là 1 sinh viên có thể đến mượn tài liệu nhiều lần trong ngày, trong tháng. Sở dĩ tháng 9 và tháng 6 có tỷ lệ sinh viên đến phòng mượn nhiều nhất vì trong tháng 9, sinh viên mượn sách để phục vụ học tập đầu kỳ và đến tháng 6 là trả sách trước khi nghỉ hè.

Khác với phòng mượn, phòng đọc luôn có tỷ lệ lượt sinh viên đến thấp, chỉ có tháng 4/2018 là đồng nhất với tỷ lệ 84.55%. Đây là tháng thư viện tổ chức Ngày sách Việt Nam, diễn ra trong 1 tuần, có yêu cầu các bộ môn, khoa phối hợp trong việc dành 10 phút cuối mỗi giờ học cho sinh viên lên đọc và tham khảo tài liệu tại thư viện. Thấp nhất là tháng 3 và tháng 6 khi sinh viên được nghỉ tết và nghỉ hè.

Từ năm 2015, để tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với nguồn học liệu lớn của Thư viện, Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ giảm 50% giá sách cho sinh viên. Vậy nếu sinh viên không lên phòng đọc để đọc tại chỗ cũng không làm sổ mượn để mượn về đọc thì sinh viên có mua sách về để sử dụng không? Câu hỏi này được chúng tôi trả lời thông qua việc tổng hợp số lượng giáo

trình được bán ra cho sinh viên trong năm học 2017-2018. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

**Bảng 3. Bảng tổng hợp số lượng giáo trình được bán ra cho sinh viên khóa đại học 51, 52 và 53 trong năm học 2017-2018 (n=439)**

Loại giáo trình	Kết quả	
	$m_i$	%
Giáo trình các môn thực hành	260	59.23
Giáo trình các môn học lý thuyết	179	40.77

Qua bảng 3 cho thấy, sinh viên mua giáo trình các môn thực hành nhiều hơn các giáo trình môn học lý thuyết (59.23% và 40.77%). Khi trao đổi với cán bộ trực tiếp phục vụ bán cho sinh viên được biết, các sinh viên mua chủ yếu là sinh viên chuyên ngành của 15 môn thể thao. Đối với giáo trình các môn lý thuyết thì chủ yếu là các môn thuộc nhóm môn đại cương như: Lý luận và PP TĐTT, Quản lý TĐTT, ..... là các môn học mà các em sẽ theo học trong 4 năm đại học. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thì số lượng giáo trình được bán ra cho sinh viên trong 1 năm là rất ít.

## 2. Thực trạng sử dụng giáo trình của sinh viên Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích các tài liệu liên quan, đồng thời tham khảo ý kiến

## BÀI BÁO KHOA HỌC

của các chuyên gia, chúng tôi đã xây dựng được bộ câu hỏi nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng giáo trình của sinh viên Nhà trường. Phiếu phỏng vấn được gửi tới 80 sinh viên ngẫu nhiên

của các khóa. Tổng số phiếu phát ra là: 80; tổng số phiếu thu về là 80. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

**Bảng 4. Thực trạng sử dụng giáo trình của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=80)**

TT	Nội dung	Kết quả		
		m <sub>i</sub>	%	
1	Khi học bạn có sử dụng giáo trình không?	Có	80	100
		Không	0	0
2	Cách thức tiếp cận giáo trình của sinh viên	Mượn Thư viện	25	31.25
		Đọc tại Thư viện	9	11.25
		Mua sách in tại thư viện	4	5.00
		Mua sách photo	34	42.50
		Mượn của bạn	8	10.00
3	Loại giáo trình sử dụng	Giáo trình các môn thực hành	25	31.25
		Giáo trình các môn lý thuyết	55	68.75
4	Hình thức giáo trình	Sách in	46	57.50
		Sách photo	34	42.50
5	Mức độ sử dụng giáo trình	Đọc thường xuyên	2	2.50
		Đọc khi cần tra cứu thông tin	15	18.75
		Đọc khi tới kỳ thi	43	53.75
		Không hay đọc	20	25.00
6	Mức độ hiểu và vận dụng kiến thức trong giáo trình vào bài học	Hiểu và vận dụng tốt vào bài học	5	6.25
		Tương đối hiểu và vận dụng khá tốt vào bài học	18	22.50
		Gặp khó khăn trong việc hiểu và vận dụng vào bài học	53	66.25
		Hầu như không hiểu và không vận dụng được vào bài học	4	5.00
7	Mức độ hứng thú khi nghiên cứu giáo trình	Rất hứng thú	4	5.00
		Bình thường	31	38.75
		Không hứng thú	45	56.25

- Khi được hỏi về việc có sử dụng giáo trình khi học không thì 100% SV được hỏi đều trả lời là có sử dụng. Đây là tín hiệu đáng mừng, vì việc sử dụng giáo trình sẽ giúp SV nâng cao khả năng tự học, có khả năng tự nghiên cứu độc lập.

- Về cách thức tiếp cận giáo trình của SV thì: Có 31.25% SV cho biết là mượn giáo trình tại thư viện; 5% sinh viên lựa chọn cách mua sách để có thể sử dụng lâu dài và có 21.25% SV không có giáo trình mà chỉ đọc tại thư viện (11.25%) và mượn của bạn khác khỏi khi đến giờ học (10%). Có đến 42.50% SV là mua sách tại các hiệu photo

hoặc trực tiếp mượn của bạn để đi photo. Mặc dù đối với năm thứ nhất của các khóa, thư viện đều giới thiệu quy trình mượn, đọc tại thư viện, đồng thời có các bảng quy định dành cho các em SV về quy định của thư viện, tuy nhiên khi được hỏi, vì sao mua sách photo mà không xuống thư viện mượn để hưởng quyền lợi của mình thì đa số các em SV cho biết, ngại xuống thư viện và không rõ quy trình mượn.

- Về loại giáo trình sử dụng thì có đến 68.75% SV hiện nay chỉ sử dụng giáo trình các môn lý thuyết, chỉ có 31.25% sinh viên là sử dụng giáo



trình các môn thực hành. Thực tế cho thấy, theo thống kê của Trung tâm Thông tin, Thư viện thì số lượng giáo trình của các môn thực hành được mua nhiều hơn so với các môn học lý thuyết nhưng khi sử dụng thì giáo trình của các môn học lý thuyết lại được sử dụng nhiều hơn. Trao đổi với SV, chúng tôi được biết, sở dĩ việc sử dụng giáo trình lý thuyết nhiều hơn vì khi lên lớp, các giáo viên giảng dạy các môn này yêu cầu bắt buộc phải có giáo trình. Còn đối với các môn thực hành, giờ giảng dạy chủ yếu là thực hành nên các SV ít sử dụng. Mặt khác, giáo trình của các môn lý thuyết chủ yếu là dưới dạng photo.

- Về hình thức giáo trình: Mặc dù có 57.50% sinh viên trả lời là đang sử dụng giáo trình chính thống, tức là giáo trình của thư viện, nhưng có đến 42.50% sinh viên cho biết đang dùng giáo trình dưới dạng sách photo. Khi trao đổi với chúng tôi, các em sinh viên cho biết, sở dĩ, sách photo được sử dụng nhiều hơn vì các loại sách này có giá thành rẻ, kích cỡ nhỏ gọn, dễ cầm, thuận tiện sử dụng. Và chủ yếu, sách photo là giáo trình các môn học lý thuyết. Mặt khác, giáo viên giảng dạy cũng không yêu cầu là sử dụng giáo trình sách in hay sách photo.

- Về mức độ sử dụng giáo trình: Đa số sinh viên chỉ sử dụng giáo trình khi đến kỳ thi hoặc khi cần tra cứu một thông tin nào đó liên quan đến nội dung bài học với tỷ lệ lần lượt là 53.75% và 18.75%. Tuy nhiên, khi được hỏi về thời gian mỗi lần sử dụng thì hầu hết các sinh viên này trả lời, chỉ đọc sách từ 0.5 - 1h. Mặc dù 100% số SV được hỏi đều có giáo trình, tuy nhiên có đến 25% sinh viên hầu như không sử dụng. Đây là điều đáng lo ngại cần được Nhà trường quan tâm, bởi lẽ, một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay có giáo trình chỉ mang tính đối phó với yêu cầu của giáo viên giảng dạy mà không thực sự phục vụ cho hoạt động học tập của mình.

- Khi được hỏi về mức độ hiểu và vận dụng kiến thức trong giáo trình vào bài học, có đến 66.25% sinh viên gặp khó khăn trong việc hiểu và vận dụng kiến thức trong giáo trình vào bài học; 22.5% sinh viên trả lời là tương đối hiểu và vận dụng khá tốt vào bài học, chỉ có 6.25% sinh viên là hiểu và vận dụng tốt vào bài học. Và vẫn còn 5% sinh viên cho biết, khi sử dụng giáo trình, các em hầu như không hiểu và không vận

dụng được vào bài học. Trao đổi với các em, chúng tôi được biết, giữa giáo trình và các bài giảng của thầy cô có khoảng cách khá xa, không có sự trùng lặp, dẫn đến việc gặp khó khăn trong sử dụng. Đây là vấn đề cần được các giáo viên quan tâm vì ngoài việc giới thiệu giáo trình cho sinh viên sử dụng thì cần hướng dẫn phương pháp sử dụng giáo trình để sinh viên đạt hiệu quả cao trong việc kết hợp giữa giáo trình và bài giảng trong quá trình học tập.

- Về mức độ hứng thú khi nghiên cứu giáo trình, kết quả nhận được là, chỉ có 5% sinh viên cảm thấy hứng thú, nhận thấy có nhiều điều bổ ích và lý thú khi đọc giáo trình, 38.75% sinh viên cảm thấy bình thường và cho rằng nghiên cứu giáo trình chỉ để tiếp thu kiến thức trên lớp tốt hơn, phục vụ học tập thi cử, còn lại, đa số sinh viên không có hứng thú chiếm tỷ lệ 56.25%. Chúng ta có thể thấy, phần lớn sinh viên đều coi giáo trình là một tài liệu để tra cứu thông tin và thi cử mà chưa phải là tài liệu cần thiết để tạo động cơ học tập, tạo ra hứng thú.

### **KẾT LUẬN**

Qua đánh giá thực trạng sử dụng giáo trình của SV cho thấy: Số lượng SV đăng ký làm sổ mượn để có quyền mượn giáo trình; Số lượt SV đến mượn giáo trình và đọc tại phòng đọc thư viện chưa cao; Số lượng giáo trình được bán ra trong 1 năm học ít, chỉ tập trung vào giáo trình dùng cho các môn học thực hành; Đa số SV được hỏi đều có giáo trình, tuy nhiên chỉ tập trung vào các môn học lý thuyết và dưới dạng sách photo; SV chủ yếu sử dụng giáo trình khi đến thời gian thi và có một số lượng lớn SV được hỏi hầu như không sử dụng giáo trình mặc dù có giáo trình; Đa số SV gặp khó khăn trong việc hiểu và vận dụng giáo trình để giải quyết các vấn đề đặt ra của bài học.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2009), *Xây dựng thư viện góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội.